Phụ lục VIII
Appendix VIII

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG
REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA

Số: ..../BC-....
No: ..../BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

....., ngày 04 tháng 11 năm 2024
....., 04 November 2024

BÁO CÁO

Về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ đóng
REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; và
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam
To: - *The State Securities Commission*
- *The Ho Chi Minh Stock Exchange; and*
- *Vietnam International Commercial Joint Stock Bank*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Information on individual/institutional investor*
- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư / *Name of individual/organization investor:* COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA
- Quốc tịch/ *Nationality*: Úc / *Australia*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày

cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue:* Số Công ty Úc 48 123 123 124 được cấp ngày 17/4/1991 bởi Ủy Ban Chứng Khoán và Đầu Tư Úc / *Australian Business Number 48 123 123 124 issued on 17 April 1991 by the Australian Securities and Investments Commission*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: *Commonwealth Bank Place South, Level 1, 11 Harbour Street, Sydney, New South Wales, 2000, Australia*
- Điện thoại/ *Telephone* :……..Fax:……..Email:……..Website:…….

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ) / *Related person (currently holding the same types of shares/fund certificates*): Không / *None*
- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan / *Full name of related individual/organization*:
- Quốc tịch/ *Nationality*:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/ công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any)*:
- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Relationship with the individual/institutional investor:*

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/ *Name & code of share/fund certificate owned*:

- Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ sở hữu/ *Name of share/fund certificate owned*: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM/ VIETNAM INTERNATIONAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Mã chứng khoán sở hữu/ *Securities code:* VIB

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/ *Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above*: *HSBFCA4418*

Tại công ty chứng khoán/*In securities company*:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before the transaction:*
440,210,743 cổ phiếu / *shares,* tương ứng/ *equal to 14.7765%* vốn điều lệ/ *charter capital*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi *(làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1%))/ Number of shares / fund certificate purchased/ sold/ granted/ being granted/ donated/ being donated/ inherited/ transferred/ being transferred/ swapped (making percentage of ownership has changed over the threshold of one percent (1%)):*

300,000,000 cổ phiếu giao dịch bán / *shares sold*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction*:

140,210,743 cổ phiếu / *shares,* tương ứng/ *equal to 4.7064%* vốn điều lệ/ *charter capital*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/ N*umber, ownership proportion of shares/ closed fund certificates currently held by the related person:* Không */ None*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held by individual/ organization investor and related person after the transaction*:

140,210,743 cổ phiếu / *shares,* tương ứng/ *equal to 4.7064%* vốn điều lệ/ *charter capital*

10. Lý do thay đổi sở hữu/ *Reasons for change in ownership:* Giao dịch/ *Transactions*

11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/ *Date of change in ownership*: *29/10/2024*

12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/ *Other significant changes (if any)*: Không */ None*

Nơi nhận:
Recipients:
- ...;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ...

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)
(Signature, full name and seal – in case of organization)



BELINDA BARBARA HICKOX

PUBLIC